

Quy trình kiểm toán P.5

5. Kiểm toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

5.1. Kiểm toán doanh thu

5.1.1 Mục đích kiểm toán

Kiểm toán doanh thu để đưa ra sự xác nhận về doanh thu trong năm tài chính, có được đơn vị trình bày một cách kịp thời, đầy đủ, hợp lý và trung thực trên BCTC hay không? Xác định rằng tất cả các nguồn thu được áp dụng theo đúng các nguyên tắc kế toán, được phân loại phù hợp trong BCTC; Kiểm toán để đưa ra sự xác nhận các khoản thu nhập bất thường có được phản ánh đầy đủ, trung thực không và có được phân loại chính xác không?

5.1.2 Nội dung kiểm toán

Xác nhận tính kịp thời, đầy đủ, chính xác của các khoản thu

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự bao gồm: thu lãi cho vay; Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh; Thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính; Thu khác về hoạt động tín dụng (đối với các ngân hàng);

Các khoản thu về phí bảo hiểm gốc, phí nhận tái bảo hiểm; hoa hồng nhượng tái bảo hiểm; thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm; thu phí dịch vụ đại lý (giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, thu đòi người thứ ba bồi hoàn, xử lý hàng bồi thường 100%); (đối với các doanh nghiệp Bảo hiểm). Kiểm tra xác định và hạch toán doanh thu đối với các doanh nghiệp bảo hiểm cần lưu ý:

- Các khoản phải điều chỉnh tăng doanh thu bao gồm:

+ Các khoản nợ phí bảo hiểm Công ty đã phải chịu trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thu được nợ, chưa xuất hoá đơn thu phí bảo hiểm;

+ Phí bảo hiểm đã thu, đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa hạch toán doanh thu;

+ Khách hàng đã nhận nợ phí bảo hiểm và đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa hạch toán doanh thu;

- Các khoản phải điều chỉnh giảm doanh thu bao gồm:

+ Hạch toán doanh thu nhưng chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm;

+ Hạch toán 2 lần một khoản phí bảo hiểm;

+ Thu phí bảo hiểm của nhiều năm phải phân bổ doanh thu nhiều năm tương ứng;

+ Giảm phí bảo hiểm hoặc hủy hợp đồng nhưng chưa điều chỉnh giảm doanh thu và chưa giảm các chi phí liên quan như hoa hồng, tiền lương phải xác định giảm các khoản trên.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ gồm: Thu về dịch vụ thanh toán; Thu về dịch vụ ngân quỹ

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối: Thu từ tham gia thị trường tiền tệ; Thu từ kinh doanh ngoại hối; Thu từ các dịch vụ khác từ ngoại hối ...

Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh

Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư

Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần

Các khoản thu nhập khác: Thu nhập khác là những khoản thu nhập mà đơn vị không dự tính được, hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc những khoản thu không mang tính chất thường xuyên như:

- Thu nhập về nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng.
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá nợ.
- Thu từ các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót năm nay phát hiện ra.
- Thu hoàn nhập dự phòng đã trích từ chi phí theo qui định.
- Các khoản giảm doanh thu của đơn vị theo qui định của mỗi loại hình được kiểm toán.

5.1.3 Phương pháp kiểm toán

Trên cơ sở các văn bản pháp lý qui định về doanh thu, thu nhập của mỗi loại hình doanh nghiệp (căn cứ thu, mức thu, tỷ lệ thu, thời điểm phát hành hoá

đơn, thời điểm hạch toán ghi nhận doanh thu...), KTV xác định việc tuân thủ các qui định và kiểm tra, xác nhận số liệu:

- KTV phân chia tài khoản thu nhập theo từng nghiệp vụ để kiểm tra chi tiết từng nghiệp vụ. Kiểm tra sự có thực của các nghiệp vụ, và đảm bảo các khoản thu phải hợp pháp (hợp lý, hợp lệ và thực tế); Kiểm tra việc ghi chép hạch toán kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ bằng cách đối chiếu chứng từ gốc với sổ phụ và ngược lại. Kiểm tra tính chính xác của số liệu bằng cách tính toán lại.

- KTV cần xem xét kỹ các tài khoản thu trong sổ kế toán và ghi nhận các sự khác biệt lớn giữa các tháng trong năm. Sau đó tìm hiểu nguyên nhân các chênh lệch lớn và các bút toán điều chỉnh. Tương tự như vậy, so sánh với năm trước và tìm hiểu kỹ xem mức độ khác biệt do khối lượng kinh doanh hay các lý do khác.

- Kiểm tra tính chất đúng đắn của việc hạch toán vào các tài khoản theo qui định. Một vấn đề rất quan trọng là KTV phải tìm kiếm các khoản thu nhập mà không được ghi chép vào sổ kế toán hoặc phản ánh sai tài khoản thu nhập. Thông thường KTV sử dụng các phương pháp sau:

- + Xem xét các nghiệp vụ ghi giảm chi phí trong kỳ.
- + Xem xét các nghiệp vụ thu tiền bất thường, hoặc có nội dung không rõ ràng.
- + Xem xét các khoản phải trả trong kỳ: nhân viên đơn vị có thể ghi chép các khoản thu nhập bất thường sang các khoản phải trả, các tài khoản trung gian, từ đó sẽ tìm cách biến thủ, hoặc phục vụ cho một ý đồ nào khác.
- + Xem xét các khoản thu năm nay còn hạch toán treo gác vào tài khoản khác hoặc phản ánh vào thu nhập năm sau.

- Kiểm toán về doanh thu thường sử dụng phương pháp chọn mẫu. Vì vậy, khi kiểm toán doanh thu ngoài việc chọn mẫu các khoản doanh thu lớn đủ để đại diện cho tổng thể, KTV cần xem xét bản chất của sự việc.

Ngoài ra, KTV cần thu thập các biên bản quyết toán thuế của cơ quan thuế trong niên độ kế toán (được kiểm toán) làm tài liệu tham khảo, đối chiếu số liệu với BCTC ...

5.2 Kiểm toán chi phí

5.2.1 Mục đích kiểm toán

Kiểm toán chi phí để đưa ra sự xác nhận về các khoản chi phí trong năm tài chính của đơn vị có được trình bày một cách đầy đủ, hợp lý và trung thực trên BCTC hay không? Xác định rằng tất cả các khoản chi phí đã được áp dụng theo các nguyên tắc kế toán, được phân loại phù hợp trong BCTC; Các khoản chi phí bất thường có được phản ánh đầy đủ, trung thực không và có được phân loại chính xác không?

5.2.2 Nội dung kiểm toán

Kiểm toán để xác định tính đúng đắn, trung thực, hợp lý, hợp lệ các chi phí chủ yếu của đơn vị: Chi phí lãi và các chi phí tương tự; chi phí hoạt động dịch vụ; chi phí từ kinh doanh ngoại hối; chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh; chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư; chi phí hoạt động khác; chi phí hoạt động; chi phí dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

5.2.3 Phương pháp kiểm toán

Cần kiểm tra chi tiết, đối chiếu tổng hợp. Xem xét các tài khoản trong mối quan hệ qua lại và tính kỳ hạn, thời hạn. Đi sâu vào từng nội dung:

- Kiểm tra việc chấp hành qui chế tài chính của đơn vị đã được Chính phủ ban hành và các hướng dẫn thực hiện.

- Kiểm tra việc chi trả lãi tiền gửi, tiền vay, lãi của việc phát hành các giấy tờ có giá, gắn với việc kiểm tra nguồn vốn (đối với các ngân hàng).

- Kiểm tra các khoản chi về bồi thường bảo hiểm gốc cần phải xem xét tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ bồi thường theo qui tắc của từng nghiệp vụ bảo hiểm, đặc biệt lưu ý các tài liệu sau:

+ Ảnh chụp không ghi ngày tháng, không rõ các sự cố bị hỏng vỡ, các chứng cứ xác định xe cơ giới bị tai nạn (biển số, số máy, các vết nứt, vỡ ...)

+ Thiếu thông báo cho khách hàng đến nhận tiền

+ Thiếu biên bản thu hồi phụ tùng thay thế

+ Tính toán bồi thường không loại trừ các yếu tố phải loại trừ theo qui định

+ Chi bồi thường thương mại vượt mức qui định của cấp trên

+ Giá phụ tùng thay thế không hợp lý

+ Tính logic của các tài liệu trong hồ sơ bồi thường

+ Biên bản giám định của giám định viên độc lập trong một số trường hợp bắt

buộc.

- Rà soát lại các khoản chi về nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ.

- Kiểm tra việc chi phí cho nhân viên:

- + Việc trích lập và sử dụng quỹ tiền lương; Việc giao kế hoạch kinh doanh, quyết toán các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh gắn với chế độ tiền lương, tiền thưởng như thế nào? KTV cần tính toán, xác định lại quỹ lương theo đơn giá tiền lương được duyệt và mức khống chế tối đa.

- + Các chi phí khác cho nhân viên trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, trợ cấp thôi việc..có đúng theo qui định không. Xác định số phải nộp theo chế độ, đối chiếu với số liệu kế toán đã trích nộp để phát hiện đúng sai.

- + Mức chi trang phục giao dịch có theo đúng tiêu chuẩn đã được qui định không. Lưu ý các trường hợp đã được hưởng tiêu chuẩn bảo hộ lao động.

- Các khoản chi về tài sản:

- + Mua sắm công cụ lao động, chi thuê tài sản..., phải có các thủ tục phê duyệt và đảm bảo theo tiêu chuẩn Bộ Tài chính qui định.

- + KTV cần kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, thủ tục (dự toán, hợp đồng thi công, quyết toán, biên bản nghiệm thu bàn giao...) và phân cấp chi tiêu, quyết toán theo điều lệ tổ chức và hoạt động, qui chế tài chính...

Kiểm tra giá trị quyết toán: so sánh khối lượng xây dựng, sửa chữa thực tế với dự toán, thiết kế; Đơn giá vật liệu, nhân công theo đơn giá XD CB tại địa

phương; Các loại chi khác phải có hoá đơn, chứng từ với giá cả phù hợp với thị trường từng thời gian.

+ Đối chiếu với các qui định để xác định lại xem, trong các khoản chi về tài sản có khoản nào không phù hợp, cần thiết phải loại ra khỏi chi phí không.

- Các khoản chi khác có hợp lý và tiết kiệm không? Có phù hợp với các chế độ qui định không? Các khoản chi này phải đảm bảo đủ chứng từ hợp lệ, hợp pháp, được phê duyệt của lãnh đạo theo phân cấp và trên cơ sở định mức nhà nước qui định. Phát hiện những trường hợp đã hạch toán chi phí, nhưng thực tế chưa chi; những khoản chi không được phép hạch toán vào chi phí theo quy định hiện hành.

- Các khoản dự phòng đối với các ngân hàng (dự phòng giảm giá chứng khoán; dự phòng giảm giá vàng, ngoại tệ; dự phòng rủi ro tín dụng). Xem xét việc phân loại, xác định có phù hợp so với chế độ qui định không? Tỷ lệ trích lập có đảm bảo so với qui chế tài chính không? Việc xử lý các khoản dự phòng như thế nào? Việc hoàn nhập khi kết thúc năm tài chính có thực hiện theo các qui định không.

- Các khoản dự phòng đối với các doanh nghiệp bảo hiểm (dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường; dự phòng dao động lớn; dự phòng toán học). Xem xét nguyên tắc, cơ sở trích lập các khoản dự phòng có đúng chế độ qui định không và có các tài liệu, bằng chứng hợp lý chứng minh cho việc tính toán trích lập dự phòng là phù hợp hay không?.

- Khi kiểm toán các khoản chi phí bất thường, KTV phải kiểm tra các hồ sơ liên quan đến các khoản mục này như biên bản của hội đồng xử lý và phải được giám đốc và kế toán trưởng của đơn vị phê duyệt, các chứng từ, văn bản có liên quan

5.3 Kiểm toán kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị bao gồm kết quả của hoạt động kinh doanh chính (hoạt động tín dụng, hoạt động dịch vụ), kết quả hoạt động khác.

5.3.1 Mục đích kiểm toán

Kiểm toán kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị để đưa ra những đánh giá nhận xét về kết quả kinh doanh có được phản ánh đầy đủ, trung thực trên BCTC không? Có được phân loại và phản ánh chính xác không? Trên cơ sở đó có thể xác định lại các nghĩa vụ phải thực hiện với NSNN và việc trích lập các quỹ.

5.3.2 Nội dung kiểm toán

Việc kiểm toán kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở đã có kết quả kiểm toán của các bước kiểm toán trước: Doanh thu, chi phí chỉ còn việc thực hiện các phép tính toán và so sánh với BCTC của đơn vị.

5.3.3 Phương pháp kiểm toán

Phân tích kết quả kinh doanh, đánh giá tính hiệu quả về hoạt động kinh doanh của đơn vị.

6. Kiểm toán tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

6.1 Mục đích kiểm toán

Xác định lại số thuế và các khoản thanh toán với NSNN của đơn vị, đã được trình bày trên BCTC có đúng, đầy đủ và kịp thời không?

6.2 Nội dung kiểm toán

+ Kiểm tra các thủ tục về kê khai và nộp các loại thuế theo đúng các qui định của pháp luật tại địa phương nơi đóng trụ sở chính và các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc.

+ Kiểm tra tính hợp pháp việc sử dụng các hoá đơn, chứng từ thuế giá trị gia tăng theo các qui định của Bộ Tài chính.

+ Phân loại các đối tượng để áp dụng các phương pháp tính thuế giá trị gia tăng cho phù hợp (phương pháp tính trực tiếp: hoạt động kinh doanh mua, bán ngoại tệ, vàng bạc, đá quý; phương pháp khấu trừ: các hoạt động dịch vụ đơn vị còn lại). Trên cơ sở đó xác định số thuế và các khoản nộp NSNN đã đầy đủ chưa.

+ Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị.

6.3 Phương pháp kiểm toán

Dùng phương pháp kiểm tra tính tuân thủ các luật thuế và các qui định khác về các khoản phải thanh toán với NSNN.

- Đối với các loại thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đất, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu... áp dụng các phương pháp kiểm toán như đối với các Doanh nghiệp Nhà nước.

- Các khoản phí, lệ phí phải nộp NSNN: Trên cơ sở chế độ thu phí, lệ phí gắn với hoạt động kinh doanh, dịch vụ mà đơn vị phải nộp hoặc được thu hộ NSNN. KTV xác định các khoản phí, lệ phí đơn vị phải nộp NSNN.

- Các khoản phải thanh toán với NSNN: căn cứ vào các qui định, quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho đơn vị, hồ sơ tài liệu và báo cáo quyết toán... để tính toán, xác định các khoản đơn vị phải nộp NSNN, hay được NSNN thanh toán đến cuối năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng, căn cứ vào Luật thuế GTGT, Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật thuế GTGT và Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT để kiểm toán, theo quy định hiện hành thì các đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng là hoạt động cho vay vốn, cho thuê tài chính, quỹ đầu tư và hoạt động chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật.

Các đối tượng chịu thuế thuế giá trị gia tăng gồm:

+ Dịch vụ tín dụng đơn vị: Mở tài khoản; Chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá trị khác; Dịch vụ bảo lãnh có thu phí; Dịch vụ thanh toán; Nghiệp vụ uỷ thác và đại lý liên quan đến hoạt động đơn vị; Dịch vụ bảo quản, cho thuê tủ, két, hầm đông lạnh; Các hoạt động dịch vụ khác.

+ Kinh doanh mua, bán ngoại tệ; Kinh doanh mua, bán vàng bạc, đá quý.

Khi kiểm toán tình hình thu nộp NSNN, cần chia ra hai thời điểm năm trước và năm kiểm toán:

Xác định số thuế và các khoản còn phải thanh toán với NSNN năm trước bằng cách đối chiếu số đầu kỳ trên BCTC, với biên bản quyết toán thuế năm trước của cơ quan thuế về từng loại thuế và các khoản phải nộp khác; Kiểm tra hồ sơ, biên bản đối chiếu, xác nhận về các khoản thanh toán khác với NSNN.

Xác định số thuế và các khoản còn phải nộp khác phát sinh trong kỳ, xác định số thuế và các khoản khác đã nộp trong năm, trên cơ sở đó để xác định số nộp thừa, thiếu đến cuối năm.

+ Riêng đối với thuế giá trị gia tăng (GTGT) cần xác định:

w Theo phương pháp khấu trừ:

Số thuế GTGT	Thuế GTGT	Thuế GTGT đầu vào
--------------	-----------	-------------------

phải nộp = đầu ra - được khấu trừ

Thuế GTGT đầu ra = Giá tính thuế x thuế suất

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT đầu vào được xác định trên các hoá đơn GTGT của số hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ chịu thuế (được tổng hợp, kê khai, khấu trừ ngay từng tháng); Đơn vị phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ không chịu thuế GTGT. Trường hợp đơn vị không hạch toán riêng được, thì phải phân bổ theo tỷ lệ trên tổng doanh thu.

Kiểm toán thuế GTGT đầu ra bằng cách: Phân loại hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ đã ghi giá bán chưa tính thuế GTGT, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Trường hợp trên hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán, thì thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán.

w Theo phương pháp trực tiếp:

Thuế GTGT phải nộp = Giá trị gia tăng x thuế suất.

Giá trị gia tăng = Doanh số bán ra (ngoại tệ, vàng bạc...) - Doanh số mua vào tương ứng của số (ngoại tệ, vàng bạc...) bán ra.

Doanh số mua vào tương ứng của số (ngoại tệ, vàng bạc...) bán ra được xác định = Số lượng bán ra x Tỷ giá mua thực tế bình quân trong kỳ (tháng)

Trường hợp chênh lệch giữa doanh số bán ra với doanh số mua vào tương ứng là số âm, thì được chuyển sang bù trừ vào tháng sau, nhưng chỉ được áp dụng đối với các tháng trong cùng một năm.

Xác định số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải thanh toán với NSNN đã nộp trong kỳ:

Việc kiểm toán số đã nộp trong kỳ, được xác định qua các chứng từ nộp tiền vào NSNN, đã được cơ quan quản lý và Kho bạc Nhà nước trên địa bàn xác nhận, hoặc các biên bản thanh toán, đối trừ.

Số còn phải nộp đến cuối kỳ: Căn cứ vào kết quả đã tính toán xác nhận của nội dung kiểm toán thuế và các khoản phải nộp NSNN để xác định số thuế nộp đủ, thừa hoặc thiếu, trên cơ sở đó đưa ra những nhận xét về việc chấp hành nghĩa vụ với NSNN, việc tổ chức hạch toán có đầy đủ, rõ ràng và nộp kịp thời hay không ?